

MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC TA TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

• PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đại học và Nghề nghiệp

1. Đặt vấn đề

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp lực lượng lao động kĩ thuật (LĐKT) ở trình độ sơ cấp và trung cấp (thường chiếm tới hơn 80% số lao động đã qua đào tạo) đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà trong báo cáo phát triển con người của UNDP từ 1995 đến nay, phần lớn các nước có chỉ số phát triển con người (HDI) cao là những nước có hệ thống GDNN vào loại tốt nhất thế giới như Australia, Canada, CHLB Đức, Thụy Điển, Hà Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... Nguồn nhân lực (NNL) trong thời kì "dân số vàng" của nước ta với đặc trưng là NNL trẻ (15-29 tuổi) chiếm tới 47,5% dân số trong độ tuổi lao động (năm 2007) đang là lợi thế để phát triển. Lợi thế đó có trở thành sức mạnh "nội lực" cho phát triển KT-XH của đất nước hay không phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống GD, trong đó có hệ thống GDNN.

Chiến lược phát triển GD giai đoạn 2001-2010 đã đề ra nhiệm vụ: "Hình thành hệ thống đào tạo kĩ thuật thực hành, chú trọng phát triển đào tạo nghề ngắn hạn và đào tạo công nhân kĩ thuật (CNKT), kĩ thuật viên (KTV), nhân viên nghiệp vụ có trình độ cao dựa trên nền học vấn trung học phổ thông (THPT) hoặc trung học chuyên nghiệp (THCN)". [1] Hệ thống đào tạo này chú trọng và tăng cường tính thực hành - nghề nghiệp. Nghị quyết số 14/2005/ NQ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 11 năm 2005 đã đề ra việc điều chỉnh cơ cấu trình độ và phát triển các chương trình GD đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp- ứng dụng, bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình trong toàn hệ thống; ưu tiên mở rộng quy mô các chương trình định hướng nghề nghiệp- ứng dụng... [2]

Thực tế cho thấy hệ thống GDNN nước ta

trong một vài thập kỉ qua không có sự kế thừa, liên thông giữa các bộ phận của nó; không phát huy hết được năng lực vốn có của toàn hệ thống cũng như của từng bộ phận trong hệ thống GDNN. Gần đây, những vấn đề về mục tiêu, nội dung đào tạo, hệ thống văn bằng chứng chỉ, việc chuyển đổi, liên thông đào tạo, trong thang bậc lương đối với người tốt nghiệp... của các trình độ trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và cao đẳng (chuyên nghiệp)... đang là băn khoăn của nhiều nhà giáo, nhà quản lí GD, nhà nghiên cứu có tâm huyết, của người học và cả những nhà tuyển dụng lao động. [4], [5]. Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê GD hàng năm, việc phân luồng học sinh (HS) sau trung học cơ sở (THCS) và HS sau THPT đã và đang rất mất cân đối, nhất là giữa luồng vào GDNN và vào GD đại học, dẫn đến bất cập trong việc đáp ứng nhu cầu về cơ cấu trình độ của lực lượng lao động trong thực tế... [6] Những vấn đề trên phần nhiều là thuộc về hệ thống GD, đặc biệt là hệ thống GDNN, trong đó trước hết và trên hết là vấn đề cơ cấu hệ thống GDNN.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, để góp phần đắc lực phát triển NNL với lợi thế của thời kì "dân số vàng" đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước, GD nói chung, GDNN nói riêng ở nước ta cần phải được đổi mới mạnh mẽ. Cùng với việc nhanh chóng đổi mới hệ thống GD quốc dân, việc đổi mới, điều chỉnh cơ cấu hệ thống GDNN ngày càng trở nên cấp thiết cần được giải quyết dựa trên những luận cứ khoa học vững chắc.

2. Một số quan niệm

• Quan niệm về GDNN

Cho đến nay vẫn còn nhiều tranh luận về khái niệm "Giáo dục nghề nghiệp", với ít nhất là ba quan niệm rộng, hẹp khác nhau.

- Theo quan niệm rộng, một số tác giả cho rằng GDNN bao gồm tất cả các cấp trình độ đào



tạo và sản phẩm của GDNN là tất cả các loại hình và trình độ LĐKT đã qua đào tạo.

- Theo quan niệm hẹp hơn, đa số hiểu GDNN bao gồm các cấp trình độ đào tạo dưới đại học.

- Trong quan niệm hẹp hơn nữa, Luật Giáo dục năm 1998 xác định GDNN bao gồm trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Luật Giáo dục năm 2005 và Luật Dạy nghề năm 2006 xác định cụ thể rằng dạy nghề có ba trình độ đào tạo là: sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Chúng tôi đề xuất điều chỉnh quan niệm về GDNN với tư cách là một hệ thống con, một phân hệ của hệ thống GD quốc dân như sau:

GDNN là một phân hệ trong hệ thống GD quốc dân nhằm đào tạo ra những LĐKT có kiến thức, kĩ năng và thái độ nghề nghiệp ở trình độ dưới đại học, có thể thực hiện được các công việc với các mức độ phức tạp, mức độ khó, thấp và trung bình với các công nghệ khác nhau, phù hợp với ngành, nghề ở các cấp trình độ khác nhau, trực tiếp làm ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ.

Bài viết này chỉ đề cập cơ cấu trình độ và chương trình đào tạo của cơ cấu hệ thống GDNN.

● **Quan niệm về cơ cấu trình độ nghề quốc gia**

Nền KT-XH ở trình độ nhất định của một nước thể hiện trình độ khoa học-công nghệ (KH-CN) và tổ chức lao động xã hội cũng như trình độ văn hóa của nước đó, đòi hỏi một cơ cấu trình độ lao động tương ứng nhất định. Hiện nay, ở nước ta chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu sâu về nghề và về cơ cấu trình độ nghề quốc gia của lực lượng lao động (LLLĐ), vì vậy chưa có cơ sở để xây dựng một cơ cấu trình độ nghề quốc gia phù hợp với nước ta. Tuy nhiên, để có thể làm căn cứ xây dựng cơ cấu trình độ đào tạo nghề nghiệp thông qua việc bước đầu phản ánh được tương đối sát hợp trình độ của nền KT-XH nước ta, đồng thời đảm bảo cho việc hội nhập quốc tế được thuận lợi, theo chúng tôi, trước mắt Việt Nam chúng ta có thể sử dụng cơ cấu 5 bậc trình độ nghề quốc gia với 5 chứng chỉ kĩ năng nghề quốc gia (KNQG) tương ứng mà Bộ LĐ, TB&XH đã ban hành [3] trên cơ sở kế thừa, bổ sung từ cơ cấu ba bậc trình độ nghề (bậc I, II và III) được khởi thảo liên quan đến cơ cấu trình

độ sơ cấp và trung cấp của LLLĐ do “hệ thống đào tạo kĩ thuật thực hành” cung cấp. Cơ cấu 5 bậc trình độ nghề này là cơ cấu phổ biến ở các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời nó phù hợp với tình hình KT-XH và GD-ĐT nước ta hiện nay và trong thập kỉ tới. Mặc dù vậy, việc mô tả tiêu chuẩn khái quát cho từng bậc trình độ trong cơ cấu 5 bậc trình độ nghề quốc gia cần phải được tiếp tục xem xét điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa.

● **Luồng GD công nghệ hay luồng GD nghề nghiệp-ứng dụng**

Luồng GD công nghệ hay luồng GD nghề nghiệp-ứng dụng và hệ thống đào tạo kĩ thuật thực hành là không khác nhau về bản chất thực hành, công nghệ hay nghề nghiệp-ứng dụng, nhưng với ba cấp trình độ: bán lành nghề; lành nghề và trình độ cao, khái niệm hệ thống đào tạo kĩ thuật thực hành dường như đã bị giới hạn phạm vi về trình độ đào tạo. Trong khái niệm *Luồng GD công nghệ hay luồng GD nghề nghiệp - ứng dụng* phạm vi trình độ đào tạo được mở rộng hơn. Điều này hoàn toàn phù hợp với những nội dung về chương trình đào tạo theo hướng công nghệ hay hướng nghề nghiệp-ứng dụng trong Nghị quyết 14/CP về “Đổi mới cơ bản, toàn diện hệ thống GD đại học Việt Nam đến năm 2020”, thể hiện rất rõ quan điểm và xu thế đào tạo liên thông giữa GDNN và GD đại học trong luồng GD công nghệ hay GD nghề nghiệp-ứng dụng.

● **Phân hóa trình độ/chương trình GD Trung cấp chuyên nghiệp**

Tùy theo lĩnh vực ngành nghề, các chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) được điều chỉnh, phân hóa thành trình độ/chương trình ĐT Trung học nghề hoặc nâng cấp, chuyển đổi thành trình độ/chương trình đào tạo CĐ 2 năm hoặc CĐ 3 năm.

3. Điều chỉnh cơ cấu hệ thống GD quốc dân theo hai luồng chính

Hầu như tất cả mọi người quan tâm đều nhất trí với định hướng xây dựng hệ thống GD nước ta thành 2 luồng chính là: Luồng GD hàn lâm và luồng GD công nghệ hay GD nghề nghiệp - ứng dụng, như hệ thống GD của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó GDNN hoàn toàn nằm trong luồng GD công nghệ hay nghề nghiệp - ứng dụng (xem Hình 1).

3.1. Luồng GD hàn lâm

Luồng GD hàn lâm có đặc trưng sau:

* Đối tượng gồm chủ yếu HS tốt nghiệp THCS có năng lực học tập tốt học tiếp THPT, có nhu cầu và có cơ hội nghề nghiệp phát triển theo luồng này, sau khi tốt nghiệp THPT được tuyển vào các chương trình ĐH theo hướng hàn lâm để có thể trở thành các nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kĩ thuật và một số ngành khoa học xã hội.

* Các chương trình ĐH này tương tự như các chương trình đào tạo của một số University hoặc Engineering University ở Đức, Mỹ, Nhật, Anh, Australia...

* Ngoài các chương trình chính ra, các ĐH này có thể mở các khoá đào tạo nâng cao cho những người đã tốt nghiệp ĐH.

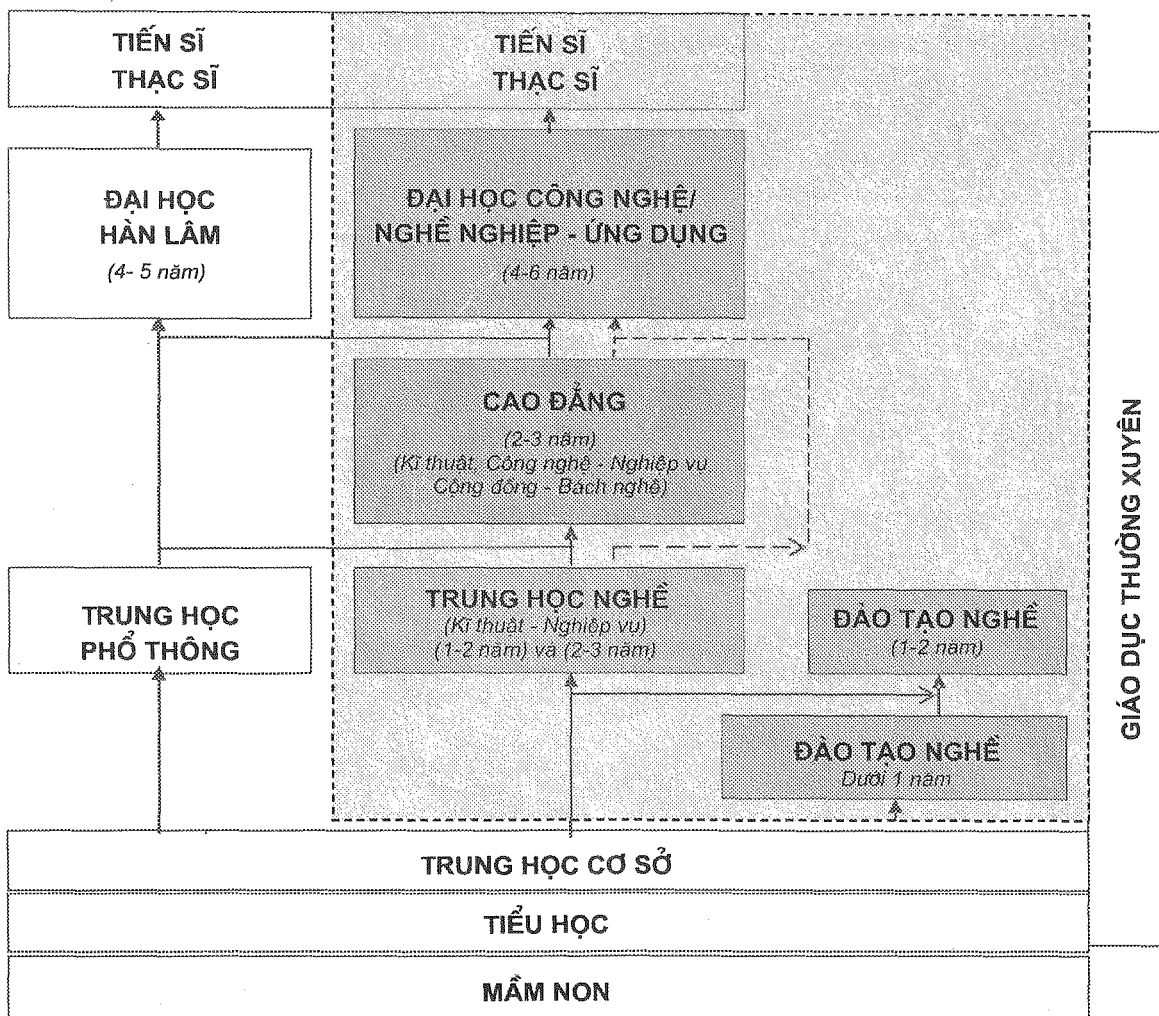
* Chương trình đào tạo chủ yếu là nghiên cứu lí thuyết phát minh khoa học, thiết kế và sáng chế... Thời gian đào tạo có thể từ 4 - 5 năm.

3.2. Luồng GD công nghệ hay GD nghề nghiệp - ứng dụng

Những điều chỉnh cần thiết được đề xuất về cơ cấu hệ thống GDNN, tức là những điều chỉnh cơ cấu trình độ từ sau THCS đến dưới ĐH và cơ cấu chương trình đào tạo trong GDNN, phải xuất phát và dựa trên cơ cấu trình độ đào tạo quốc gia được xây dựng phù hợp với cơ cấu trình độ nghề

LUỒNG GD HÀN LÂM

LUỒNG GD CÔNG NGHỆ/NGHỀ NGHIỆP - ỨNG DỤNG



Hình 1: Cơ cấu hệ thống GDNN trong hệ thống GD quốc dân (điều chỉnh)

quốc gia.

+ GDNN bao gồm ba trình độ/chương trình ĐT và sẽ đào tạo LĐKT có trình độ nghề từ bậc 1 đến bậc 4, trong đó:

- Trình độ/chương trình Đào tạo nghề dưới 1 năm (thay vì Sơ cấp nghề) đào tạo LĐKT có trình độ nghề bậc 1 trở xuống

- Trình độ/chương trình Trung học nghề hoặc/và Đào tạo nghề 1-2 năm (thay vì Trung cấp nghề) đào tạo LĐKT có trình độ nghề bậc 2.

- Trình độ/chương trình Cao đẳng (CĐ) nằm trong khu vực GD sau trung học (post-secondary education) sẽ được chia thành hai cấp chương trình:

(i) CĐ hệ 2 năm đào tạo LĐKT trình độ nghề bậc 3 (KTV)

(ii) CĐ hệ 3 năm đào tạo LĐKT trình độ nghề bậc 4 (KTV cấp cao).

+ GD đại học 4-6 năm sẽ đào tạo LĐKT có trình độ nghề bậc 4 hoặc 5.

4. Mô tả cụ thể những trình độ/chương trình ĐT và con đường liên thông, chuyển tiếp trong luồng GD công nghệ hay GD nghề nghiệp - ứng dụng mới đề xuất

4.1. Nhánh từ sau THCS

* *Tốt nghiệp THCS vào Trung học nghề (kỹ thuật và nghiệp vụ).*

Đối tượng là những HS tốt nghiệp THCS có năng lực học tập trung bình hoặc do hoàn cảnh kinh tế không có điều kiện học lên THPT để thi thẳng vào CĐ hoặc ĐH.

Chương trình ĐT Trung học nghề chia ra 2 loại:

- Loại thiên về GD kỹ thuật (technical education): HS thường có thành tích học tập THCS khá hơn với chương trình gồm các môn học văn hoá cơ bản như học sinh THPT, còn các nội dung kỹ thuật có tỉ lệ lí thuyết (LT) cao hơn thực hành (TH), thường tỉ lệ LT/TH là 55/45 hoặc 60/40.

- Loại thiên về GD nghề (vocational education): HS có học lực yếu hơn cũng học các môn văn hoá cơ bản nhưng học thực hành nhiều hơn LT, tỉ lệ LT/TH trong khoảng từ 30/70 đến 35/65. Ở loại Trung học nghề thiên về GD nghề này còn có chương trình đào tạo ra những nhân viên nghiệp vụ là những người theo học chương trình của những ngành thuộc các lĩnh vực như Kinh tế, Văn hoá, Du lịch, Y tế,...

Vị trí lao động của người tốt nghiệp Trung

học nghề chủ yếu làm việc như công nhân, nhân viên nghiệp vụ. Trong đó, một số theo nhánh GD kỹ thuật có thể trở thành KTV. Kinh nghiệm của Hàn Quốc và Malaysia cho thấy đây là hai lực lượng chủ yếu tham gia vào CNH và HDH đất nước do vừa có tay nghề (trình độ nghề cấp 2) vừa có văn hoá nên rất dễ nâng cao trình độ (trainable) trong điều kiện KH-CN thay đổi và cho những lĩnh vực việc làm trực tiếp vận hành, sản xuất.

Cả hai đối tượng này sau khi tốt nghiệp đều có thể học lên CĐ với thời gian 1-1,5 năm để lấy bằng CĐ hoặc tham gia các khoá nâng cao trình độ để có Chứng chỉ nâng cao kỹ năng. Chương trình nên được thiết kế và tổ chức đào tạo theo môđun, người tốt nghiệp ở các chương trình này có thể thi vào các trường ĐH Công nghệ một cách trực tiếp (song không khuyến khích) hoặc thông qua CĐ khi đã có kinh nghiệm và việc làm đòi hỏi phải nâng cao trình độ và sẽ học kiểu tại chức.

* *Tốt nghiệp THCS vào nhánh Đào tạo nghề (1-2 năm)*

Đối tượng là những HS tốt nghiệp THCS hoặc học hết chương trình THCS có năng lực học tập trung bình hoặc dưới trung bình hoặc do hoàn cảnh kinh tế không có điều kiện học kéo dài trong cơ sở dạy nghề, không học thêm các môn văn hóa THPT, ra trường có trình độ nghề cấp 2 nhưng không liên thông được lên CĐ do chưa đủ kiến thức văn hoá THPT. Hiện nay có không ít HS tốt nghiệp THCS, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng cao... có nguyện vọng học nghề ra để đi làm ngay, không thích học văn hóa THPT nữa.

* *Các trường Trung học nghề (Kỹ thuật và nghiệp vụ) có thể đào tạo HS tốt nghiệp ra trường có trình độ nghề bậc 2 và bậc 1.*

4.2. Nhánh từ sau sau THPT

* *Tốt nghiệp THPT vào các trường CĐ hoặc trường Bách nghệ (Polytechnic)*

- HS có kết quả thi tốt nghiệp THPT khá hơn sẽ học trong chương trình CĐ 3 năm để lấy bằng CĐ công nghệ, kỹ thuật hoặc nghiệp vụ hệ 3 năm tương tự như bằng Advanced Diploma của một số nước, ra trường có thể làm KTV cấp cao (trình độ nghề bậc 4)

- HS có kết quả thi tốt nghiệp THPT bình thường sẽ phải học trong chương trình 2 năm để

lấy bằng CĐ hệ 2 năm ra có thể làm KTV (trình độ nghề bậc 3) tương tự như bằng Diploma ở Malaysia, Singapore, Mỹ, Australia... Trong số người tốt nghiệp CĐ hệ 2 năm một số sẽ có thể làm KTV, còn phần đông có thể làm ở vị trí lao động trực tiếp vận hành, sản xuất như một công nhân tùy thuộc vào thị trường lao động (TTLĐ). Một số người tốt nghiệp khá giỏi có thể cho phép liên thông lên trình độ ĐH công nghệ/ngành nghiệp-ứng dụng. Thời gian học cụ thể sẽ căn cứ theo khung trình độ, mục tiêu đào tạo của ngành học và cơ chế tổ chức đào tạo và miễn trừ kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đối tượng tốt nghiệp THPT cũng có thể học nghề tại các trường CĐ này và được cấp chứng chỉ hoặc bằng nghề (vocational diploma).

* *Người tốt nghiệp THPT có thể tham gia vào chương trình học nghề ở trường dạy nghề (tốt nghiệp đạt trình độ nghề bậc 2) trong một số ngành đòi hỏi tối thiểu văn hoá phải hết THPT.* Ngoài ra, các trường dạy nghề này có thể đào tạo nghề cho những người đã có trình độ CĐ, ĐH, thậm chí sau ĐH, nếu những người đó cần cải thiện năng lực thực hành để lấy chứng chỉ kĩ năng nghề nâng cao.

HS tốt nghiệp THPT vào học trong nhánh này là những người có thành tích học tập thấp hoặc do điều kiện bản thân không thể theo học ở các trường cao đẳng hoặc do nhu cầu cần học ngay một nghề để đi làm. Một số người học xong chương trình dạy nghề này có thể sẽ được liên thông ngay để có trình độ CĐ, tuy nhiên, không khuyến khích do không hợp lí về nguồn tuyển và không hợp với nhu cầu thực tiễn là học để đi làm. (Nếu học mà không phải để đi làm thì có thể sẽ chọn con đường từ THPT lên CĐ hệ 2 hoặc hệ 3 năm sẽ kinh tế và khả thi hơn!). Mặt khác, sau một thời gian lao động, sản xuất ngoài TTLĐ, người học sẽ được tạo điều kiện vào học trong các trường CĐ khi có nhu cầu xuất phát từ việc làm để lấy Chứng chỉ kĩ năng nghề nâng cao. Như vậy sẽ đảm bảo tránh được hiện tượng chạy theo bằng cấp, đồng thời cũng phù hợp với phân loại của UNESCO về GD cho những đối tượng không có năng lực học lên được và mục đích chính của việc đào tạo là cung cấp LDKT được nâng cao, cập nhật về kĩ năng nghề cho TTLĐ.

* *Các trường CĐ ngoài việc đào tạo theo*

các chương trình dài hạn 2 năm và/hoặc 3 năm cho người tốt nghiệp THPT còn có thể có các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho những người tốt nghiệp trường dạy nghề để lấy bằng CĐ hoặc các chứng chỉ nâng cao kiến thức, kĩ năng nghề cũng như các chương trình dạy nghề để cấp bằng nghề.

* *Người tốt nghiệp THPT vào đại học*

Chương trình đào tạo cho loại đối tượng này mang tính công nghệ, nhấn mạnh khoa học ứng dụng và thực hành, không đòi hỏi quá sâu về lí thuyết các khoa học cơ bản (có thể tham khảo tiêu chuẩn kiểm định chương trình của Tổ chức kiểm định quốc tế ABET). Thời gian học trong khoảng từ 4 đến 6 năm tùy theo ngành học.

Trên đây là một số đề xuất điều chỉnh cơ cấu hệ thống GDNN và cũng là cơ cấu hệ thống GD quốc dân nước ta trong thời gian tới. [5] Trong quá trình hội nhập quốc tế, hệ thống GD quốc dân nói chung, phân hệ GDNN nói riêng, không thể biệt lập mà phải hội nhập với xu thế chung của khu vực và thế giới, đảm bảo được sự chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chính phủ, *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002
- [2]. Chính phủ, *Đổi mới cơ bản và toàn diện hệ thống GD đại học Việt Nam đến năm 2020*, Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/11/2005
- [3]. Bộ LĐ, TB&XH, *5 bậc trình độ nghề quốc gia*, Ban hành tại QĐ 09/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008
- [4]. Vũ Ngọc Hải, *Định hướng phát triển hệ thống GDNN ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lí GD, số 8, tháng 12/2009.
- [5]. Vụ GDCN - Bộ GD&ĐT, *Cơ cấu hệ thống GD quốc dân*. Tài liệu báo cáo Ủy ban Văn hóa - Giáo dục - TTNND của Quốc hội. H.2004.

SUMMARY

In the globalization and integration context, for contribution to the development of manpower, technical and vocational education shall be changed. In this article the author proposes some adjustments to the VTE structure based on the scientific foundations.